

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 8 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga, Bà Hà Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Niêm – Kiểm sát viên

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Phan Văn T, sinh năm

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk 1983 (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị Phương M và anh Lê Viết T. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2022 cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Ngọc L trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T chung sống trên cơ sở tự nguyện với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống do ông T đi làm ăn xa có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ bê không quan tâm vợ con, ngoài ra ông T còn lấy cớ đi uống rượu về gây gổ đánh đập bà. Đã nhiều lần bà bỏ qua, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay bà cảm thấy tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Văn T.

- Về con chung: bà và ông Phan Văn T có hai người con chung là Phan Đỗ Thảo N, sinh ngày 06/11/2008 và Phan Đỗ Thảo K, sinh ngày 06/02/2013.

Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng ông bà có nợ vợ chồng em gái là Đỗ Thị Phương M và Lê Viết T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để về trả nợ Ngân hàng vào ngày 11/02/2020, trước đây là khoản nợ của bố mẹ chồng ông T, bố mẹ ông T có nói để lại tài sản cho vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ. Khi ly hôn, do tài sản tôi không lấy mà để lại cho ông Phan Văn T nên ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng em gái Đỗ Thị Phương M và em rể Lê Viết T.

**** Trong bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn là ông Phan Văn T trình bày:***

Ông và bà Đỗ Thị Ngọc L chung sống tự nguyện với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chung sống được khoảng 15 năm thì tới năm 2019, do kinh tế khó khăn, muốn đảm bảo tốt cuộc sống cho vợ con nên ông phải đi làm ăn xa nhà, đi được một năm về nhà, muốn gần gũi vợ nhưng vợ không quan tâm, lạnh nhạt, hỏi gì cũng im lặng, thay đổi tính tình, sau đó vợ chồng có cãi nhau thì ông có tát bà L một cái, rồi bà L ôm hai con bỏ nhà đi không về, con cái thì bỏ học. Bà L nói ngày nào ông cũng say xỉn là không có đúng, thật sự thì cuộc sống vợ chồng có lời quan tiếng lại, bản thân ông cũng có nhiều lỗi và vợ có bỏ qua nhiều lần. Nay bà L làm đơn ly hôn nhưng ông không đồng ý ly hôn. Ông có nguyện vọng muốn vợ quay về đoàn tụ nuôi con, xin lỗi vợ và sẽ cố gắng thay đổi.

- Về con chung: Chúng tôi có hai người con chung là Phan Đỗ Thảo N, sinh ngày 06/11/2008 và Phan Đỗ Thảo K, sinh ngày 06/02/2013.

Ly hôn, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Theo lời khai của bà Liễu có nợ của vợ chồng em gái là Đỗ Thị Phương M và Lê Viết T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để về trả nợ Ngân hàng vào ngày 11/02/2020, khoản tiền này ông không trực tiếp nhận tiền, chỉ nghe bà L điện qua điện thoại, sau đó ông đi làm tích góp sẽ trả dần. Trường hợp ly hôn, ông được hưởng toàn bộ tài sản nên ông đồng ý chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên mà không yêu cầu bà L phải liên đới trả nợ cùng với ông.

*** Tại bản tự khai ngày 13/5/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Phương M và anh Lê Viết T trình bày:** Vào ngày 11/02/2020 vợ chồng anh Phan Văn T và chị Đỗ Thị Ngọc L số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Nay anh chị ly hôn, chúng tôi yêu cầu anh T, chị L trả nợ cho chúng tôi và tiền lãi 1%/tháng từ ngày vay đến ngày 13/5/2022 là 27 tháng tương ứng với 27.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 127.000.000 đồng. Trong quá trình hoà giải, ông T hưởng toàn bộ tài sản và tự đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho chúng tôi, không yêu cầu chị L trả nợ, chúng tôi đồng ý và yêu cầu một mình ông T trả khoản 127.000.000 đồng.

*** Tại bản tự khai ngày 03/6/2022, hai cháu Phan Đỗ Thảo N và Phan Đỗ Thảo K khai:** Các cháu là con của mẹ Đỗ Thị Ngọc L và ba Phan Văn T. Khi ba mẹ ly hôn, hai cháu N và K đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì mẹ chăm sóc tốt hơn ba, ba hay uống rượu, đánh mắng, ở với ba cảm giác sợ hãi, không an toàn, ảnh hưởng tâm lý học hành.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn T. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét tình cảm giữa bà L và ông T không còn. Hiện tại bà L và ông T đã sống ly thân, không còn chăm lo cho gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận toàn bộ đơn ly hôn của bà Đỗ Thị Ngọc L.

- Về con chung: Hai cháu Phan Đỗ Thảo N và Phan Đỗ Thảo K có nguyện vọng được ở với mẹ, tại buổi hoà giải ngày 03/6/2022 ông T cũng tuân theo nguyện vọng của các con, muốn ở với mẹ thì ông cũng đồng ý nên giao hai cháu N và K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết

- Về nợ chung: vợ chồng ông T, bà L có nợ vợ chồng em gái là chị Đỗ Thị Phương M và anh Lê Viết T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mượn để về trả nợ Ngân hàng. Tại phiên hoà giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu ông Phan Văn T trả nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày vay đến ngày 13/5/2022 là 27 tháng tương ứng với 27.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 127.000.000 đồng thành hai đợt, chậm nhất ngày 31/12/2022 anh Phan Văn T có trách nhiệm trả trước cho chúng tôi số tiền 50.000.000 đồng, đợt thứ hai chậm nhất ngày 31/12/2023 trả số tiền còn lại là 77.000.000 đồng. Từ ngày 14/5/2022 không yêu cầu trả lãi nữa.

Các bên đã thống nhất được số tiền nợ gốc, tiền lãi, thời hạn trả nợ và ông Phan Văn T là người có trách nhiệm nghĩa vụ trả khoản nợ 127.000.000 đồng cho vợ chồng anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M, xét thấy là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX công nhận.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

* Về hôn nhân bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Phan Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T uống rượu về mắng chửi, xúc phạm và còn đánh đập bà L. Nay bà L cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với ông T. Về phía ông T, ông cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng như bà L trình bày, chưa đến mức ly hôn và muốn vợ quay về đoàn tụ nuôi con, cho ông thêm cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên ông T thừa nhận sau một năm đi làm ăn xa nhà, về nhà muốn gần gũi vợ nhưng vợ lạnh nhạt, ngày đi làm tối đi nhậu về mới ngủ được, tối ngày 23/4/2022 ông đi nhậu về, thấy vợ đang xem điện thoại và có hỏi rồi bảo vợ vào ngủ nhưng vợ không vào, hỏi vợ cũng không nói không trả lời nên bực lên có đập phá đồ trong nhà, sau đó do vợ nói hỗn xưng mi tau nên ông có tát vợ, rồi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng không nói chuyện với nhau, bà L đưa hai đứa con đi khỏi nhà và ông bà sống ly thân nhau từ đó đến nay. Xét thấy bà L đã không còn tình cảm với ông T, hai bên tuy không thống nhất về nguyên nhân nhưng đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, ông bà hiện tại đang sống ly thân với nhau. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên quay về đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể miễn cưỡng, ép buộc chung sống mà phải xuất phát từ sự tự nguyện của hai phía, ông bà đã sống ly thân và không thể hòa giải quay về đoàn tụ, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn

nhân gia đình.

* Về con chung: ông bà có 02 con chung là các cháu Phan Đỗ Thảo N sinh ngày 06/11/2008 và Phan Đỗ Thảo K, sinh ngày 06/02/2013.

Ông bà thống nhất tùy theo nguyện vọng của các con muốn được ở với mẹ hoặc ba. Tại bản tự khai các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và ông T cũng đồng ý nên giao hai cháu N và K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Phan Văn T có nợ của vợ chồng anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi là 27.000.000 đồng. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Phan Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 127.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và 27.000.000 đồng tiền lãi).

Từ ngày 14/5/2022 anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M không yêu cầu ông Phan Văn T trả lãi nữa nên không đặt ra để giải quyết.

Về thời hạn trả nợ: Ông Phan Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M thành hai đợt như sau: Đợt 1: Chậm nhất ngày 31/12/2022 ông Phan Văn T có trách nhiệm trả trước cho anh T, chị M số tiền 50.000.000 đồng và đợt 2: Chậm nhất ngày 31/12/2023 trả số tiền còn lại là 77.000.000 đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần công nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – bà Đỗ Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 48; Điều 203; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 212, Điều 213 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 27; 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ngọc L được ly hôn với ông Phan Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 11/4/2008 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông T và bà L hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông T về việc giao hai cháu Phan Đỗ Thảo N, sinh ngày 06/11/2008 và Phan Đỗ Thảo K, sinh ngày 06/02/2013 cho bà Đỗ Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Phan Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 127.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và 27.000.000 đồng tiền lãi) cho anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M. Từ ngày 14/5/2022 anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M không yêu cầu anh Phan Văn T trả lãi nữa nên không đặt ra để giải quyết.

Về thời hạn trả nợ: Anh Phan Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho anh Lê Viết T và chị Đỗ Thị Phương M thành hai đợt như sau: Đợt 1 chậm nhất ngày 31/12/2022 anh Phan Văn T có trách nhiệm trả trước cho anh T, chị M số

tiền 50.000.000 đồng và đợt 2 chậm nhất ngày 31/12/2023 trả số tiền còn lại là 77.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Liễu đã nộp theo biên lai số AA/2021/0013100 ngày 29/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng